

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sản	Thành viên
Bà Dương Thị Lan	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sản	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nam Dược

Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI
Hoàng Minh Châu

Số: 200318.029/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nam Dược**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam và đầu tư dài hạn khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược với tổng số tiền là 1,255 tỷ đồng. Điều này dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty. Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ thì chỉ tiêu "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2016 và tại ngày 31/12/2017 sẽ giảm đi số tiền là 1,255 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau:

- * Các giao dịch với các bên liên quan trong năm chưa được phê duyệt theo đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (chi tiết Thuyết minh số 11, 33).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Diệu Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0938-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.047.630.329	65.960.740.286
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.896.924.987	3.549.905.136
111 1. Tiền		5.396.924.987	3.549.905.136
112 2. Các khoản tương đương tiền		2.500.000.000	-
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.914.839.455	57.077.961.414
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	18.511.381.516	10.257.814.439
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.232.429.661	11.707.507.000
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	171.028.278	35.112.639.975
140 IV. Hàng tồn kho	8	1.778.177.219	4.690.438.502
141 1. Hàng tồn kho		1.778.177.219	4.690.438.502
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		1.457.688.668	642.435.234
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	241.363.584	253.120.600
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		932.604.305	-
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	283.720.779	389.314.634
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		105.000.440.605	35.566.265.959
220 II. Tài sản cố định		72.993.843.560	3.004.545.178
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.649.115.187	3.004.545.178
222 - Nguyên giá		6.815.971.068	6.887.515.259
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(4.166.855.881)	(3.882.970.081)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	70.344.728.373	-
228 - Nguyên giá		70.467.625.869	-
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(122.897.496)	-
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		331.446.159	590.904.250
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	331.446.159	590.904.250
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	31.255.000.000	31.255.000.000
251 1. Đầu tư vào công ty con		31.000.000.000	31.000.000.000
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.000.000	255.000.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		420.150.886	715.816.531
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	420.150.886	715.816.531
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		139.048.070.934	101.527.006.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		50.700.088.499	15.021.410.785
310 I. Nợ ngắn hạn		29.700.088.499	15.021.410.785
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	14.219.861.911	7.362.244.003
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		307.000	292.004.060
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	-	468.397.053
314 4. Phải trả người lao động		7.708.287.827	5.405.367.910
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	196.018.338	109.458.709
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.503.900.876	1.312.226.503
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	6.000.000.000	-
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		71.712.547	71.712.547
330 II. Nợ dài hạn		21.000.000.000	-
338 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	21.000.000.000	-
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		88.347.982.435	86.505.595.460
410 I. Vốn chủ sở hữu	18	88.347.982.435	86.505.595.460
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		56.800.000.000	56.800.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		56.800.000.000	56.800.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.547.982.435	29.705.595.460
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		16.306.427.560	(33.347.724.557)
421b - LNST chưa phân phối năm nay		15.241.554.875	63.053.320.017
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		139.048.070.934	101.527.006.245

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng



Trần Thị Anh Đức

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	201.807.527.873	146.885.046.135
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	1.457.071.225	232.686.603
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		200.350.456.648	146.652.359.532
11	4. Giá vốn hàng bán	21	99.026.661.700	87.524.641.992
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.323.794.948	59.127.717.540
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	15.105.817.844	64.027.126.938
22	7. Chi phí tài chính	23	1.635.945.205	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.635.945.205	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	81.705.915.365	45.065.130.653
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17.755.376.928	15.036.469.794
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.332.375.294	63.053.244.031
31	11. Thu nhập khác	26	46.050.482	4.817.561
32	12. Chi phí khác	27	28.164.806	4.741.575
40	13. Lợi nhuận khác		17.885.676	75.986
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.350.260.970	63.053.320.017
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	108.706.095	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.241.554.875	63.053.320.017

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Cảnh

Trần Thị Anh Đức

Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	15.350.260.970	63.053.320.017
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	835.439.487	617.414.217
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(15.145.817.844)	(64.027.126.938)
06	- Chi phí lãi vay	1.635.945.205	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	2.675.827.818	(356.392.704)
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(7.773.403.371)	2.754.171.082
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	2.912.261.283	8.482.488.773
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	8.545.385.111	(13.149.298.350)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	307.422.661	(3.331.766)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(1.615.972.602)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(33.350.937)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2.039.167.900)	(874.219.410)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.979.002.063	(3.146.582.375)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(64.519.279.778)	(12.181.898.068)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	40.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	50.093.977.566	29.027.126.938
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(14.385.302.212)	16.845.228.870
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu đi vay	30.000.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(3.000.000.000)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(11.246.680.000)	(11.365.520.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	15.753.320.000	(11.365.520.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	4.347.019.851	2.333.126.495
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3.549.905.136	1.216.778.641
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 7.896.924.987	3.549.905.136

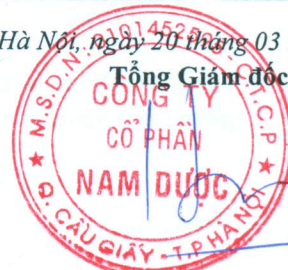
Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018



Hoàng Minh Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 VND (*Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng*), tương đương 5.680.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2017, Công ty phân phối thêm một số sản phẩm mới, đồng thời tăng giá bán và sản lượng hàng bán ra của các sản phẩm cũ dẫn tới lợi nhuận gộp từ bán hàng năm nay tăng 71,4% so với năm trước. Trong năm Công ty cũng tăng cường hoạt động quảng cáo sản phẩm dẫn tới Chi phí bán hàng tăng mạnh so với năm trước, tuy nhiên theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của các Công ty con, số cổ tức Công ty nhận được giảm mạnh so với năm 2016. Những vấn đề trên đã dẫn tới Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017 sụt giảm so với năm trước.

Thông tin về các công ty con của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- *Đối với các khoản đầu tư vào công ty con:* căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- *Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư:* nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

- Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, chi phí lãi vay và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phát sinh trong năm là chi phí lãi vay. Chi phí này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	143.277.428	1.281.071.096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.253.647.559	2.268.834.040
Các khoản tương đương tiền (*)	2.500.000.000	-
	<u>7.896.924.987</u>	<u>3.549.905.136</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 5,5%/ năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
* Đầu tư vào công ty con	31.000.000.000	-	31.000.000.000	-
- Công ty TNHH Nam Dược	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	255.000.000	-	255.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược	255.000.000	-	255.000.000	-
	31.255.000.000	-	31.255.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con trong năm: Xem Thuyết minh 33.

Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 21 tháng 09 năm 2006 nhưng chưa hoàn tất các thủ tục giải thể.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	13.923.024.515	9.367.316.076
Các đối tượng khác	4.588.357.001	890.498.363
	18.511.381.516	10.257.814.439
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	13.923.024.515	9.367.316.076

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây lắp Công Nghiệp Thực Phẩm	3.954.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Truyền thông Nguyễn Quân	-	-	1.578.552.000	-
- Ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu	-	-	10.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	278.429.661	-	128.955.000	-
	4.232.429.661	-	11.707.507.000	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	35.000.000.000	-
Tạm ứng	149.188.000	-	100.989.997	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	11.840.278	-	-	-
Phải thu khác	-	-	1.649.978	-
	171.028.278	-	35.112.639.975	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	74.716.364	-	72.427.443	-
Hàng hóa	1.703.460.855	-	4.618.011.059	-
	1.778.177.219	-	4.690.438.502	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Mua sắm	236.215.250	590.904.250
- Phần mềm quản lý hệ thống phân phối SALESUP (i)	10.651.750	372.044.250
- Phần mềm kế toán (ii)	225.563.500	218.860.000
Xây dựng cơ bản	95.230.909	-
- Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược (iii)	95.230.909	-
	331.446.159	590.904.250

- (i) Hợp đồng cung cấp và cài đặt phần mềm quản lý hệ thống phân phối số HD/DMS/GESONAMDUOC/21092016 ký ngày 21/09/2016 giữa Công ty và Công ty TNHH Giải pháp Doanh nghiệp Toàn cầu. Tổng giá trị hợp đồng là 379.865.000 VND (trong đó, phí bản quyền là 368.692.500 VND). Tại ngày 31/12/2017, Công ty đã nghiệm thu phần phí bản quyền với tổng giá trị là 368.692.500 VND; giá trị còn lại chưa nghiệm thu là phần phí triển khai phần mềm.
- (ii) Phần mềm kế toán được mua sắm từ năm 2013, tuy nhiên Công ty và nhà cung cấp vẫn chưa nghiệm thu, bàn giao để đưa vào sử dụng do một số chức năng của phần mềm chưa đáp ứng được và các lỗi từ phần mềm vẫn tiếp tục phát sinh.
- (iii) Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược tại Lô D2 + D4, Ô D7, Trưng Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Tổng mức đầu tư dự toán là 19.461.691.000 VND. Hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; hệ thống cấp điện năng, điện nhẹ; hệ thống cấp thoát nước được giao cho nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp thực phẩm theo Hợp đồng số 2109/2017/HĐXL/ND ngày 21/09/2017. Công trình được khởi công từ ngày 25/09/2017; thời gian thi công dự kiến là 270 ngày kể từ ngày khởi công. Tổng chi phí phát sinh lũy kế đến ngày 31/12/2017 là 95.230.909 VND (gồm phí thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình; phí khoan khảo sát địa chất công trình và phí đo vẽ bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 công trình).

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	659.290.000	5.864.468.645	363.756.614	6.887.515.259
- Mua trong năm	307.112.000	-	50.000.000	357.112.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(428.656.191)	-	(428.656.191)
Số dư cuối năm	966.402.000	5.435.812.454	413.756.614	6.815.971.068
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	260.612.085	3.335.508.953	286.849.043	3.882.970.081
- Khấu hao trong năm	138.945.963	541.681.824	31.914.204	712.541.991
- Thanh lý, nhượng bán	-	(428.656.191)	-	(428.656.191)
Số dư cuối năm	399.558.048	3.448.534.586	318.763.247	4.166.855.881
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	398.677.915	2.528.959.692	76.907.571	3.004.545.178
Tại ngày cuối năm	566.843.952	1.987.277.868	94.993.367	2.649.115.187

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.625.431.313 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
- Mua trong năm (*)	70.098.933.369	368.692.500	70.467.625.869
Số dư cuối năm	70.098.933.369	368.692.500	70.467.625.869
Giá trị hao mòn lũy kế			
- Khấu hao trong năm	-	122.897.496	122.897.496
Số dư cuối năm	-	122.897.496	122.897.496
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	70.098.933.369	245.795.004	70.344.728.373

(*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tăng trong năm do nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (bên chuyển nhượng) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 958/2016 và 959/2016 ngày 28 tháng 12 năm 2016 giữa bên chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Lê Văn Sơn - Phó Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Quyết định số 080/2016/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 16/12/2016. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô A2 và A4, ô D7, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 686421 và CE 686422. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các Hợp đồng trên là 70,09 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại Lô A4, ô D7 và Lô A2, ô D7, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội với tổng nguyên giá là 70.098.933.369 VND đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 (Xem Thuyết minh số 13).

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí làm biển quảng cáo	75.007.152	108.906.223
Phí bảo hiểm xe ô tô	22.356.062	22.175.973
Phí duy trì tên miền	51.454.831	17.065.589
Các khoản khác	92.545.539	104.972.815
	241.363.584	253.120.600
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	225.083.168	340.926.939
Chi phí xây dựng chiến lược kinh doanh và hệ thống quản lý nhân sự	16.414.156	213.383.848
Chi phí thiết kế website	45.803.332	62.999.982
Chi phí sửa chữa phụ tùng xe Mercedes	38.730.230	68.784.000
Các khoản khác	94.120.000	29.721.762
	420.150.886	715.816.531

13 . VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (*)	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000
	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (*)	-	-	30.000.000.000	3.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
	-	-	30.000.000.000	3.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			21.000.000.000	21.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(*) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 với số tiền vay là 30.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng cho việc đầu tư mua hai lô đất (Lô A4, ô D7 và Lô A2, ô D7) tại khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội để xây trụ sở văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược. Thời hạn vay là 05 năm (từ ngày 28/04/2017 đến ngày 27/04/2022); nợ gốc thanh toán trong vòng 10 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng kể từ ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu là 8%/ năm, 12 tháng tiếp theo là 9%/ năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ có kỳ hạn 13 tháng tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm (+) 2,5%/ năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay chính là hai lô đất trên.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng VND	Giá trị VND	Số có khả năng VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Nam Dược	2.543.621.758	2.543.621.758	6.474.408.806	6.474.408.806
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Truyền thông Ánh Dương	5.216.980.000	5.216.980.000	-	-
Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Sen Vàng	3.024.765.000	3.024.765.000	-	-
Các đối tượng khác	3.434.495.153	3.434.495.153	887.835.197	887.835.197
	14.219.861.911	14.219.861.911	7.362.244.003	7.362.244.003
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	2.543.621.758	2.543.621.758	6.474.408.806	6.474.408.806

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	468.397.053	3.845.132.199	4.313.529.252	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	346.128.358	-	108.706.095	33.350.937	270.773.200	-
Thuế thu nhập cá nhân	43.186.276	-	1.706.383.414	1.676.144.717	12.947.579	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	389.314.634	468.397.053	5.664.221.708	6.027.024.906	283.720.779	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí phụ trách chuyên môn của ông Hoàng Minh Châu	66.000.000	-
Chi phí cước viễn thông	38.903.716	-
Chi phí lãi vay	19.972.603	-
Chi phí phải trả khác	71.142.019	109.458.709
	196.018.338	109.458.709

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	174.173	174.173
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	689.000.000	660.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	672.080.000	558.760.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	142.646.703	93.292.330
	1.503.900.876	1.312.226.503

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	56.800.000.000	(21.341.112.736)	35.458.887.264
Lãi trong năm trước	-	63.053.320.017	63.053.320.017
Phân phối lợi nhuận (i)	-	(12.006.611.821)	(12.006.611.821)
Số dư cuối năm trước	56.800.000.000	29.705.595.460	86.505.595.460
Lãi trong năm nay	-	15.241.554.875	15.241.554.875
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	(13.399.167.900)	(13.399.167.900)
Số dư cuối năm	56.800.000.000	31.547.982.435	88.347.982.435

(i) Phân phối lợi nhuận năm trước dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2016.

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.019.583.950
Trích thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	1.019.583.950
Chi trả cổ tức năm 2016 trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	11.360.000.000
	13.399.167.900

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	Tỷ lệ	01/01/2017	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	24,96	14.174.500.000	24,96
Ông Nguyễn Văn Giang	3.220.000.000	5,67	3.220.000.000	5,67
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trancorp	2.831.000.000	4,98	2.831.000.000	4,98
Các cổ đông khác	36.574.500.000	64,39	36.574.500.000	64,39
	56.800.000.000	100,00	56.800.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
- Vốn góp cuối năm	56.800.000.000	56.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.360.000.000	11.360.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.680.000	5.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.680.000	5.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.680.000	5.680.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	201.807.527.873	146.885.046.135
	201.807.527.873	146.885.046.135
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	88.544.844.347	55.129.450.384

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.457.071.225	232.686.603
	1.457.071.225	232.686.603

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	99.026.661.700	87.524.641.992
	99.026.661.700	87.524.641.992

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	105.817.844	27.126.938
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.000.000.000	64.000.000.000
	+ 15.105.817.844	64.027.126.938

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	1.635.945.205	-
	1.635.945.205	-

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	543.516.078	206.284.907
Chi phí nhân công	21.048.057.600	17.096.976.426
Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.849.560	106.752.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.856.128.487	27.654.822.400
Chi phí khác bằng tiền	12.363.640	294.424
	81.705.915.365	45.065.130.653

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	552.864.591	572.132.260
Chi phí nhân công	10.971.834.347	9.207.061.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	589.589.927	510.661.721
Thuế, phí và lệ phí	41.580.000	15.200.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.090.272.437	4.186.071.529
Chi phí khác bằng tiền	509.235.626	545.342.709
	17.755.376.928	15.036.469.794

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	40.000.000	-
Các khoản khác	6.050.482	4.817.561
	46.050.482	4.817.561

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Phạt vi phạm hành chính về thuế và phạt chậm nộp	26.514.820	3.000.000
Các khoản khác	1.649.986	1.741.575
	28.164.806	4.741.575

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	15.350.260.970	63.053.320.017
Các khoản điều chỉnh tăng	26.514.820	3.000.000
- <i>Phạt vi phạm hành chính về thuế và phạt chậm nộp</i>	26.514.820	3.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(15.000.000.000)	(64.000.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(15.000.000.000)	(64.000.000.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	376.775.790	(943.679.983)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	75.355.158	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	33.350.937	-
Thuế TNDN phải thu đầu năm	(346.128.358)	(346.128.358)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(33.350.937)	-
Thuế TNDN phải thu cuối năm	(270.773.200)	(346.128.358)

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.096.380.669	778.417.167
Chi phí nhân công	32.019.891.947	26.304.038.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	835.439.487	617.414.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.946.400.924	31.840.893.929
Chi phí khác bằng tiền	563.179.266	560.837.133
	99.461.292.293	60.101.600.447

	Từ 1 năm trở xuống VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017		
Tiền và tương đương tiền	7.896.924.987	7.896.924.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.682.409.794	18.682.409.794
	<u>26.579.334.781</u>	<u>26.579.334.781</u>
Tại ngày 01/01/2017		
Tiền và tương đương tiền	3.549.905.136	3.549.905.136
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.370.454.414	45.370.454.414
	<u>48.920.359.550</u>	<u>48.920.359.550</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	6.000.000.000	21.000.000.000	-	27.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.723.762.787	-	-	15.723.762.787
Chi phí phải trả	196.018.338	-	-	196.018.338
	<u>21.919.781.125</u>	<u>21.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>42.919.781.125</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.674.470.506	-	-	8.674.470.506
Chi phí phải trả	109.458.709	-	-	109.458.709
	<u>8.783.929.215</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.783.929.215</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là mua bán thuốc dược phẩm và chi phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Mua hàng			
- Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	88.060.626.284	75.005.941.200
Ứng trước/ thanh toán tiền mua tài sản			
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty - Vợ chồng Tổng Giám Đốc	60.098.933.369	10.000.000.000
Doanh thu từ bán hàng hóa			
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam (i)	Công ty con	87.254.424.750	55.129.450.384
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân (ii)	Bên liên quan khác	1.290.419.597	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
- Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	15.000.000.000	64.000.000.000

(i) Giao dịch được thực hiện dựa trên Hợp đồng nguyên tắc ký hàng năm, Quyết định giá bán và mức chiết khấu áp dụng cho từng thời kỳ do Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu bán hàng cho Công ty con là 47%.

(ii) Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm Giám đốc. Đồng thời, Bà Dương Thị Sáu cũng là cổ đông lớn và là vợ của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Công ty con	13.923.024.515	9.367.316.076
Trả trước cho người bán			
- Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn - Vợ của Tổng Giám đốc	-	10.000.000.000
Phải thu khác			
- Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	-	35.000.000.000
Phải trả cho người bán			
- Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con	2.543.621.758	6.474.408.806

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.191.481.834	1.033.374.854
- Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.558.038.908	703.059.240



34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

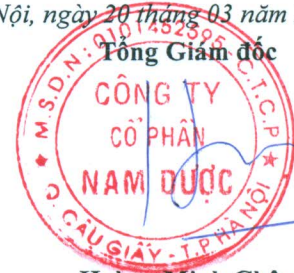
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Cảnh

Trần Thị Anh Đức

Hoàng Minh Châu

